

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DS-ST
Ngày 24/9/2024.
*V/v Tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1/. Ông Trần Văn Phước;
- 2/. Bà Võ Tuyết Kha.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 02/4/2024 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 388/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1940;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Đồng bị đơn:* Ông Trần Văn X, sinh năm 1940;

Bà Nguyễn Thị P.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Q có mặt, ông X và bà P vắng mặt lần 2 tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Q trình bày: Về nguồn gốc của phần đất mà hiện nay bà yêu cầu ông X, bà P bồi thường có nguồn gốc trước năm 1975 là của ông nội bà, sau đó cho lại cha của bà, một thời gian sau chế độ nguy lấy lại làm nền đồn, đến sau ngày 30/4/1975 thì cha bà tên Trần Văn T đến Ủy ban nhân dân xã P để xin đất lại cấp cho bà, khi đến gặp ông Cao Ry N là Bí thư xã thì ông N đồng ý cho phần đất

không có đo đạc nhưng diện tích khoản 7-8 công tầm cây, sau khi được cho đất thì ông T vào đây cất nhà cho lại bà để ở, đến năm 1982 cha bà chết chôn cất ở đây, đến năm 1983 bà có thiếu ông Trần Văn X 01 cái bò, 01 cái thau tắm em bé, 01 cái nắp vun nấu bánh tét, 01 cái kiếng tủ, 70 gia lúa (đã trả 65 gia), còn nợ lại 05 gia lúa; đến năm 1985 ông X qua lấy phần đất của bà có diện tích 8.800 m² để trừ các khoản nợ như đã nêu trên, cùng năm này bà có thừa ra chính quyền xã, đến năm 1986 chính quyền xã xuống áp mời nhân dân đến nhà ông Trần Thanh C (đã chết), gồm có: Ông 2 T1 (đã chết), ông 2 Nhự (đã chết), ông H (còn sống), ông 7 Chánh (đã chết) và ông 3 D (còn sống), chính quyền xử buộc ông X trả đất lại cho bà, buộc bà mua mấy món đồ đó trả lại cho ông X; sau đó ông X đi khiếu nại, một thời gian sau bà có lên gặp ông Phạm Hoàng B (không biết chức vụ, hiện đã chết) thì bà đòi lại hồ sơ nhưng ông B không đồng ý trả, bà có đến gặp ông 2 Nhự kêu lập lại biên bản thì bà làm hồ sơ thừa ra Phòng địa chính huyện H (cũ), đến khoản năm 1990 Phòng địa chính xuống xã giải quyết gồm: ông 4 Dân là Phó phòng địa chính, ông 5 Ngẫu, 5 Hà giải quyết chỉ nói miệng là 10 ngày sẽ đo đất trả lại cho bà, sau đó không thấy ai đo đất thì bà tiếp tục lên gặp ông Út M 02 lần, lần thứ 2 ông Út M nói bằng miệng là mất hồ sơ rồi, bà mới khiếu nại, đến năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) có Quyết định số 1490 ngày 08/11/1999 bác đơn yêu cầu đòi lại đất của bà, nên sau đó ông X mới đi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà gửi đơn khiếu nại nhiều nơi nhưng bà không nhớ có biên nhận hay không cho đến nay. Quyết định số 1490 ngày 08/11/1999 của UBND huyện H (cũ) hiện nay vẫn còn hiệu lực pháp luật. Nay bà Q yêu cầu ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P trả tiền công lao động, cải tạo, bồi đắp cho bà đối với diện tích đất 8.800 m² mà ông X lấy trừ nợ của bà với giá trị mỗi công tầm cây bằng số tiền 100.000.000 đồng, đất tọa lạc ấp A, xã P, huyện P.

Bị đơn ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P vắng mặt mặc dù được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q đòi ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P trả tiền công lao động, cải tạo, bồi đắp cho bà đối với diện tích đất 8.800 m² mà ông X lấy trừ nợ của bà với giá trị mỗi công tầm cây bằng số tiền 100.000.000 đồng. Án phí: bà Q thuộc đối tượng miễn tiền án phí có đơn xin miễn tiền án phí nên đề nghị miễn tiền án phí cho bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P bồi thường thiệt hại về tài sản. Ông X, bà P có địa chỉ cư trú tại ấp A,

xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long. Ông X, bà P vắng mặt tại phiên toà lần 2 nên việc xét xử vắng mặt ông X, bà P là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q yêu cầu ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P trả tiền công lao động, cải tạo, bồi đắp diện tích đất 8.800 m² mà ông X lấy trừ nợ của bà với giá trị mỗi công tầm cây bằng số tiền 100.000.000 đồng, đất tọa lạc ấp A, xã P, huyện P.

[2.1] Theo bà Q xác định, cha bà là ông Trần Văn T có khai phá phần đất có diện tích khoản 7-8 công tầm cây, đến sau ngày 30/4/1975 thì cha bà đến Ủy ban nhân dân xã P để xin đất lại cấp cho bà, sau đó cha bà vào đây cất nhà cho lại bà ở, đến năm 1983 bà có thiếu ông X 01 cái bò, 01 cái thau tắm em bé, 01 cái nắp vun nấu bánh tét, 01 cái kiếng tủ và 70 gia lúa (đã trả 65 gia), còn nợ lại 05 gia lúa; đến năm 1985 ông X qua lấy đất diện tích 8.800 m² đất của bà để trừ các khoản như đã nêu trên, bà đã thừa ông X ra chính quyền địa phương vào năm 1986, sự việc đã được ấp, xã, huyện giải quyết, có xác minh nhiều lần, cuối cùng đến năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) có Quyết định số 1490 ngày 08/11/1999 bác đơn yêu cầu đòi lại đất của bà và hiện tại Quyết định này vẫn còn hiệu lực pháp luật, từ đó đó ông X mới đi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng đến nay. Xét thấy, lời thừa nhận của bà Q là tính tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án bà Q không yêu cầu Toà án xem xét thẩm định, định giá đối với phần đất. Bà Q có cung cấp Tờ tường thuật của ông Nguyễn Văn L, có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 14/8/1994, Tờ trình của bà Nguyễn Thị L1 ghi ngày 31/3/1996 (bản photocopy), bà Q không yêu cầu tiến hành xem xét thẩm định, định giá phần đất 8.800 m².

[2.3] Theo nội dung Quyết định số 1490/QĐ-UB ngày 08/11/1999 (bút lục số 09) do bà Q giao nộp cho Toà án thì đây là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Q đòi ông Trần Văn X trả lại đất cũng chính là phần đất hiện nay bà Q đang khởi kiện yêu cầu ông X, bà P bồi thường tiền công lao động, cải tạo, gìn giữ, bồi đắp đối với diện tích đất 8.800 m² mà ông X lấy trừ nợ của bà với giá trị mỗi công tầm cây bằng số tiền 100.000.000 đồng.

[2.4] Ngày 18/7/2024 Toà án nhân dân huyện Phước Long có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 41/2024/QĐ-CCTLCC và tổng đạt cùng ngày cho bà Q nhưng đến nay bà Q vẫn chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà có công gìn giữ, cải tạo, bồi đắp,... đối với phần đất.

[2.5] Từ đó có thể thấy rằng, khi bà Q và ông X tranh chấp đất đai vào năm 1986 thì đã được chính quyền ấp, xã giải quyết, không đồng ý với kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân xã P, bà Q đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện H, ngày 08/11/1999 Ủy ban nhân dân huyện H đã ra Quyết định số 1490 với nội dung “ Điều 1: Nay bác đơn yêu cầu đòi lại đất thổ cư đề ngày 29/8/1998 của đương sự Trần Thị Q...”, bà Q cho rằng bà đã khiếu nại Quyết định nêu trên nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự việc trên; cho đến nay Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho ông X. Xét thấy, vụ việc bà kiện ông X đã được giải quyết bằng Quyết định số 1490 ngày 08/11/1999 Ủy ban nhân dân huyện H (cũ) đã có hiệu lực pháp luật, quá trình giải quyết vụ án bà không có yêu cầu xem xét thẩm định, định giá phần đất, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc bà có công gìn giữ, cải tạo, bồi đắp phần đất, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị Q đòi ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P trả tiền công lao động, cải tạo, gìn giữ, bồi đắp phần đất diện tích đất 8.800 m² mà bà cho rằng ông X lấy trừ nợ của bà với giá trị mỗi công tầm cây bằng số tiền 100.000.000 đồng, đất tọa lạc ấp A, xã P, huyện P là yêu cầu không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Q thuộc đối tượng được miễn tiền án phí, có đơn xin miễn tiền án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Q được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q đòi ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị P trả tiền công lao động, cải tạo, gìn giữ, bồi đắp phần đất diện tích đất 8.800 m² với giá trị mỗi công tầm cây bằng số tiền 100.000.000 đồng, đất tọa lạc ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Bà Q được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T2

